

## LUYỆN TẬP

### Bài 1:

- HS thực hiện.
- Khi sửa bài, GV hỏi để HS **trả lời** cách tính ở các trường hợp cụ thể và khái quát cách tìm **hiệu, số trừ** và số **bị trừ**.

## CÙNG CỐ

GV có thể tổ chức cho HS chơi “Tìm bạn”.

- GV cho HS viết số tròn chục (trong phạm vi 100) vào bảng con, mỗi HS / số tùy ý.
- GV gọi một HS cầm bảng lên và tìm bạn.

Ví dụ:

- HS 1: Tìm bạn, tìm bạn.
- Cả lớp: Tìm ai? Tìm ai?
- HS 1: Mấy trừ 30 bằng 50?
- Những HS có bảng viết số 80 sẽ đứng lên và nói:  
Chúng tôi đây, chúng tôi đây, vì  $50 + 30 = 80$  nên  $80 - 30 = 50$ .  
Chúng tôi có số 80.

(Hoặc yêu cầu tìm số trừ.)

## ÔN TẬP PHÉP NHÂN (1 tiết)

### A. Mục tiêu

#### 1. Kiến thức, kĩ năng:

- Ôn tập ý nghĩa phép nhân: **sự lặp lại**, phép nhân là cách viết khác của tổng các số hạng bằng nhau; tên gọi các thành phần của phép nhân.
- Nhận biết tính chất giao hoán của phép nhân.
- Vai trò của số 0 trong phép nhân.

**2. Năng lực chủ trọng:** tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học, mô hình hoá toán học.

#### 3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tiếng Việt.

**Phẩm chất:** chăm chỉ, trách nhiệm.

### B. Thiết bị dạy học

GV: các thẻ chấm tròn cho nội dung Cùng học.

### C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

#### KHỞ ĐỘNG

GV viết phép cộng các số hạng bằng nhau lên bảng lớp.

HS viết phép nhân tương ứng vào bảng con và gọi tên các thành phần của phép nhân.

Ví dụ:

GV viết:  $8 + 8$

HS:  $8 \times 2 = 16$

Thừa số: 8 và 2; Tích: 16.

...

## BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

### 1. Ôn tập phép nhân

- GV gắn các thẻ chấm tròn lên bảng lớp và yêu cầu tính tổng để tìm số chấm tròn có tất cả.

$$3 + 3 + 3 + 3 = 12.$$

- Nhận xét các số hạng của tổng. (bằng nhau)
- Trong tổng này, số mấy được lặp lại? (3)    Mấy lần? (4 lần)
- Cái gì được lấy mấy lần? (3 được lấy 4 lần)
- Viết phép nhân. ( $3 \times 4 = 12$ )
- Các số hạng của tổng như thế nào thì tổng viết được thành phép nhân? (Các số hạng bằng nhau.)
- GV cho HS gọi tên các thành phần của phép nhân.

Thừa số: 3 và 4; Tích: 12.

### 2. Giới thiệu tính chất giao hoán của phép nhân

- GV gắn (hoặc chiếu) các thẻ chấm tròn (như SGK) lên cho HS quan sát.  
- GV có thể vận dụng phương pháp nhóm các mảnh ghép cho HS thực hiện hai phép tính.

- Bước 1: Nhóm chuyên gia

Nhóm lẻ:  $5 \times 4 = ?$

Nhóm chẵn:  $4 \times 5 = ?$

- Bước 2: Nhóm mảnh ghép

HS chia sẻ rồi so sánh kết quả hai phép tính.

- GV gọi vài nhóm HS trình bày (có thao tác trên hình vẽ).

- Mỗi hàng 5 chấm tròn, có 4 hàng.

5 chấm tròn được lấy 4 lần:  $5 \times 4 = 20$ .

Có tất cả 20 chấm tròn.

- Mỗi cột 4 chấm tròn, có 5 cột.

4 chấm tròn được lấy 5 lần:  $4 \times 5 = 20$ .

Có tất cả 20 chấm tròn.

- Kết luận:  $5 \times 4 = 4 \times 5$ .

- GV chốt: **Khi đổi chỗ các thừa số trong một tích thì tích không thay đổi.** (HS lặp lại, không cần học thuộc.)

### 3. Ôn lại bảng nhân 2, bảng nhân 5

- GV có thể tổ chức cho HS chơi “Đố bạn” để giúp HS ôn lại bảng nhân 2 và bảng nhân 5.
- HS chơi theo nhóm bốn.

## LUYỆN TẬP

### Bài 1:

- HS (nhóm đôi) **thảo luận** và **thực hiện**.
- Khi sửa bài, GV **khuyến khích** HS **giải thích** tại sao chọn số đó.  
Ví dụ: Chọn 3 vì  $3 \times 5 = 5 \times 3$ .

### Bài 2:

- HS (nhóm đôi) **thảo luận**, **xác định** yêu cầu của bài (**viết** phép nhân, **tính**).
  - HS **thực hiện** câu a và b vào bảng con (mỗi HS / câu).
  - Khi sửa bài, GV **khuyến khích** HS **giải thích** cách làm.
- Sau khi sửa bài, GV giới thiệu vai trò của số 0 trong phép nhân.

0 nhân với số nào cũng bằng 0.

Số nào nhân với 0 cũng bằng 0.

### Bài 3:

- HS (nhóm đôi) **thực hiện** cá nhân, rồi **nói** kết quả cho bạn nghe.
  - Khi sửa bài, GV có thể tổ chức cho HS chơi “Truyền điện” để HS nói kết quả phép nhân.
- Lưu ý:  $6 \times 2 = 12$  vì  $2 \times 6 = 12$ .

## CÙNG CỐ

GV có thể tổ chức cho HS chơi “Ai nhanh hơn”.

GV chia lớp thành hai đội thi đua, đội nào xong trước và đúng thì thắng cuộc.

GV gắn các thẻ phép nhân lên bảng lớp để HS chọn các phép nhân có kết quả bằng nhau xếp vào một hàng (hay một cột).

Ví dụ:  $2 \times 4$        $9 \times 0$        $1 \times 8$        $0 \times 6$        $4 \times 2$   
...

## ÔN TẬP PHÉP CHIA (1 tiết)

### A. Mục tiêu

#### 1. Kiến thức, kĩ năng:

- Ôn tập: ý nghĩa của phép chia tương ứng với thao tác chia thành các phần bằng nhau và chia theo nhóm; gọi tên các thành phần của phép chia; quan hệ giữa phép nhân và phép chia.

**2. Năng lực chú trọng:** tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học, mô hình hoá toán học.